

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2022
V/v: Tranh chấp
Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hán Hường
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Tuyền
2. Ông Hà Mạnh Linh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Triệu Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 19/11/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng lối sống, quan điểm sống không hợp và mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình. Đến tháng 7/2021, chị đã về nhà mẹ đẻ tại Thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang ở và vợ chồng ly thân

từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 08/9/2011; Nguyễn Khánh C, sinh ngày 20/12/2014; Nguyễn Thị T1, sinh ngày 12/9/2019. Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị T1. Đối với cháu C và cháu L có nguyện vọng xin ở với ai thì tôi tôn trọng ý kiến các cháu.

- *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 4 năm 2022 và tại Biên bản hòa giải ngày 24/6/2022, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị Triệu Thị H trình bày là đúng. Anh cho rằng, trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn; nhưng đến ngày 26/7/2021, chị H tự ý bỏ nhà đi, không trao đổi gì với anh. Sau đó, anh đã đi đón chị H 05 lần nhưng chị H kiên quyết không về chung sống với anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị H xin ly hôn, quan điểm của anh là không nhất trí ly hôn và mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

- *Về con chung*: Anh T thừa nhận vợ chồng có ba con chung như chị H đã trình bày. Nếu chị H kiên quyết ly hôn thì quan điểm của anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật. Đối với bị đơn anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là đã vi phạm quy định về nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung vụ án*:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Triệu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Xử: Giao cho chị Triệu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 12/9/2019 và anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 08/9/2011 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày 20/12/2014; kể từ khi ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai và chị H; anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Do chị Triệu Thị H và anh Nguyễn Văn T đều không đề nghị xem xét nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị Triệu Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, còn anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H, anh T là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án.*

2.1. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị H xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T thấy rằng:* Chị Triệu Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Văn Bán, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ngày 19/11/2010 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương xã Văn Bán và kết quả thu thập các tài liệu chứng cứ thể hiện: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H và anh T đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng lối sống, quan điểm sống không hợp. Từ tháng 7/2021, chị H về nhà mẹ đẻ tại thôn Tân Tiến, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh T nhiều lần đón chị H về chung sống nhưng chị H không về, vì vậy vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T, cho chị H được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

2.2. *Về con chung:* Chị H và anh T có 03 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 08/9/2011; Nguyễn Khánh C, sinh ngày 20/12/2014; Nguyễn Thị T1, sinh ngày 12/9/2019. Qua xác minh tại địa phương thấy rằng: Hiện nay cháu L, cháu C và cháu T1 đều ở cùng với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến

hành lấy ý kiến, quan điểm của cháu Nguyễn Văn L và cháu Nguyễn Khánh C. Tuy nhiên, do anh T ngăn cản, không hợp tác làm việc nên Tòa án không lấy được quan điểm của cháu L và cháu C về việc hai cháu muốn ở với ai nếu chị H và anh T ly hôn.

Tuy nhiên, hiện nay cháu L, cháu C đã trên 7 tuổi, hiện nay đang được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Trong khi anh T có nhà ở riêng, đảm bảo chỗ ở ổn định và chăm sóc cho con chung, nên cần giao cháu L, cháu C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu T1: Tại thời điểm xét xử, cháu T1 mới được 32 tháng 2 nay tuổi, như vậy cháu còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ. Do đó, cần giao cháu T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi cho cháu T1.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Do chị H, anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị H và Anh T đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 08/9/2011 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày 20/12/2014. Giao cho chị Triệu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 12/9/2019 kể từ khi anh chị ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được; chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị H, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

3. *Về án phí:* Chị Triệu Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007662 ngày 28/4/2022, tại C cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H và anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hán Hưởng

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã Văn Bán;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SO THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hán Hưởng

